

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX
V/v hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 437/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19;

Để kịp thời chi trả chế độ chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, trên cơ sở quy định của Chính phủ, UBND tỉnh hướng dẫn triển khai biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, cụ thể như sau:

1. Về nguyên tắc hỗ trợ

1.1. Về nguyên tắc chi trả chế độ chính sách

- Hỗ trợ đối tượng bị giảm sâu thu nhập, mất việc, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu, chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời gian có đại dịch Covid-19.

- Nhà nước, doanh nghiệp cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc bảo đảm cuộc sống cho người lao động;

- Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách. Đối tượng hỗ trợ thuộc diện được hưởng từ 02 chính sách hỗ trợ trở lên (kể cả chính sách hỗ trợ đang thực hiện của địa phương nếu có) thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất. Không thực hiện chính sách hỗ trợ trong trường hợp đối tượng không có nhu cầu hưởng chính sách.

1.2. Đối tượng, mức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại mục II, Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

1.3. Về nguồn kinh phí thực hiện

Các huyện, thành phố sử dụng tối đa 50% dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm: 2 cấp huyện, xã) và nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện

phòng chống dịch Covid-19 theo nguyên tắc, chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và hướng dẫn tại văn bản này. Trường hợp vượt khả năng cân đối ngân sách các huyện, thành phố tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh bổ sung theo quy định.

2. Về việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí

2.1. Về tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và lập dự toán kinh phí

- Đối với cấp tỉnh: Căn cứ nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách đối tượng (tại khoản 1, khoản 2 phần II Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ) được hưởng và kinh phí hỗ trợ trình UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu UBND tỉnh bổ sung kinh phí.

- Đối với các huyện, thành phố: Căn cứ nội dung, đối tượng được hưởng, mức hỗ trợ, thôn bản, tổ dân phố rà soát, lập danh sách đối tượng được hưởng và kinh phí trình UBND xã, phường, thị trấn phê duyệt; đồng thời lập dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình UBND huyện, thành phố phê duyệt dự toán kinh phí (bao gồm cả phần kinh phí do Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện, thành phố thực hiện chi trả) gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.2. Về phân bổ, giao dự toán kinh phí

- Đối với cấp tỉnh: Căn cứ quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, Sở Lao động thương binh và Xã hội phân bổ kinh phí cho đơn vị dự toán trực thuộc để trực tiếp chi trả cho các đối tượng thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý theo quy định.

- Đối với các huyện, thành phố: UBND các huyện, thành phố giao dự toán kinh phí cho Phòng Lao động, Thương binh Xã hội chi trả trực tiếp cho các đối tượng: Người có công cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội; giao dự toán kinh phí cho UBND các xã, phường, thị trấn chi trả trực tiếp cho các đối tượng là: Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm; hộ kinh doanh cá thể, hộ nghèo; hộ cận nghèo.

2.3. Về quyết toán kinh phí

- Đối với cấp tỉnh: Căn cứ số thực chi có xác nhận của Kho bạc Nhà nước, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp chung vào quyết toán chi thường xuyên của đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Đối với các huyện, thành phố: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp chung vào quyết toán chi thường xuyên của đơn vị; đối với các xã,

phường, thị trấn tổng hợp vào quyết toán của ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của Luật Ngân sách và văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện theo quy định của Trung ương; đôn đốc, kiểm tra, giám sát đối với các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch.

- Tổng hợp vướng mắc phát sinh, đề xuất các giải pháp trong tổ chức thực hiện; đồng thời tổng hợp báo cáo kết quả về UBND tỉnh, Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính trước ngày 20 hàng tháng.

- Tổng hợp, thẩm định các đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ của các huyện, thành phố và phân dự toán kinh phí của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí theo quy định.

3.2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, thẩm định, tham mưu UBND tỉnh bổ sung kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội bổ sung kinh phí cho ngân sách địa phương theo quy định.

3.3. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn và chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, thành phố rà soát, xác định và tổng hợp danh sách các hộ kinh doanh năm 2019 dưới 100 triệu đồng gửi UBND các xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố để làm căn cứ thẩm định các danh sách các đối tượng được hưởng chính sách.

3.4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa của cơ chế chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

3.5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi người sử dụng lao động có trụ sở hoặc chi nhánh, địa điểm kinh doanh có trách nhiệm xác nhận và phê duyệt danh sách người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương.

- Tổ chức giải quyết việc tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy của chính sách. Đồng thời tổng hợp báo cáo gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và bộ, ngành Trung ương.

3.6. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Hướng dẫn các quy định về cho vay vốn trả lương ngừng việc cho người lao động theo quy định; thẩm định hồ sơ vay vốn của người sử dụng lao động; tổ chức kiểm tra, giám sát việc lập hồ sơ và thực hiện chi trả tiền lương ngừng việc đối với người lao động bảo đảm đúng quy định; tổng hợp tình hình báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

3.7. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo UBND cấp xã thành lập Ban chỉ đạo gồm các thành phần: Đồng chí Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn làm trưởng ban; các thành viên gồm: Kế toán, cán bộ Lao động, Thương binh Xã hội, Mặt trận Tổ quốc, Công an viên, Trưởng thôn, bản tổ dân phố. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo tổng hợp thẩm định, danh sách đối tượng được hưởng và kinh phí hỗ trợ trên địa bàn, trình UBND xã, phường thị trấn phê duyệt gửi Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Chỉ đạo Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định danh sách đối tượng được hưởng và kinh phí hỗ trợ trình UBND huyện, thành phố phê duyệt; đồng thời lập dự toán kinh phí gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt dự toán kinh phí gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Căn cứ quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố giao dự toán kinh phí cho Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội và UBND xã, phường, thị trấn quản lý, sử dụng và chi trả trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng chính sách với nhiều hình thức phù hợp, đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và thanh toán, quyết toán chi trả cho các đối tượng đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch không để thất thoát, tiêu cực, tham nhũng, trục lợi chính sách.

- Kết thúc đợt chi trả, xác định nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, phân ngân sách địa phương đảm bảo theo nguyên tắc quy định tại mục 1.3 Văn bản này (trường hợp thiếu thì bổ sung, thừa thì hoàn trả ngân sách tỉnh đối với phần dự toán ngân sách tỉnh bổ sung) tổng hợp, báo cáo (kèm theo bảng kê chi tiết các quyết định chi ngân sách địa phương có xác nhận số thực chi từ ngân sách nhà nước của Kho bạc Nhà nước) gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính trước ngày 15 hàng tháng.

3.8. Người sử dụng lao động có nhu cầu vay vốn, căn cứ quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tiến hành lập hồ sơ đề nghị vay vốn; công bố công khai danh sách người lao động ngừng việc khi được chấp nhận cho vay vốn và thực hiện chi trả tiền lương ngừng việc đối với người lao động ngừng việc bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng theo quy định. Báo cáo kết quả tình hình sử dụng lao động và vay vốn trả lương ngừng việc về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.9. Xử lý vi phạm: Tổ chức, cá nhân lợi dụng việc hỗ trợ người dân gặp khó khăn để trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bồi thường, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Hoạt động giám sát thực hiện chính sách

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp bằng nhiều hình thức hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; thành lập ban giám sát các cấp để giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ được theo quy định.

Căn cứ nội dung Văn bản này, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;] (để b/c)
- TT. HĐND tỉnh;]
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUBND: V, C, CB.
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tiến Dũng

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI
CÁCH MẠNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19**

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày 4/2020
của UBND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đối tượng	Số lượng đối tượng được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ
I	Người có công với cách mạng		
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
2	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
3	Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
4	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
5	Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
6	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
7	Thương binh B đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
8	Thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động		
9	Bệnh binh đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
10	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
11	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
12	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng		
II	Thân nhân của người có công với cách mạng		
1	Thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 đang hưởng trợ cấp tuất ưu đãi hàng tháng		
2	Thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đang hưởng trợ cấp tuất ưu đãi hàng tháng		
3	Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất ưu đãi hàng tháng		

4	Thân nhân của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang hưởng trợ cấp tuất ưu dài hạn tháng;		
5	Thân nhân của thương binh B đang hưởng trợ cấp tuất ưu dài hạn tháng;		
6	Thân nhân của bệnh binh đang hưởng trợ cấp tuất ưu dài hạn tháng;		
7	Thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp tuất ưu dài hạn tháng		
8	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu dài hạn tháng		

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI CHO ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ
XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG BỊ
ẢNH HƯỞNG BỒI DỊCH COVID-19**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày 4/2020
của UBND tỉnh Lai Châu)*

DVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số (Người)	Trong đó		Kinh phí (triệu đồng)	
			Nam (Người)	Nữ (Người)	Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19
I	TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG					
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng					
	<i>Trong đó: Dưới 4 tuổi</i>					
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học					
3	Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo					
3.1	Dưới 4 tuổi					
3.2	Từ 4 đến dưới 16 tuổi					
3.3	Từ 16 tuổi trở lên					
4	Người đơn thân nghèo đang nuôi con					
5	Người cao tuổi					
5.1	Người cao tuổi nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng					
5.2	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng					
	<i>Trong đó: thuộc diện hộ nghèo</i>					
5.3	Người cao tuổi có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.					
6	Người khuyết tật					
6.1	Người khuyết tật đặc biệt nặng					
a)	Dưới 16 tuổi					
b)	Từ 16 đến 60 tuổi					
c)	Từ đủ 60 tuổi trở lên					
6.2	Người khuyết tật nặng					
a)	Dưới 16 tuổi					
b)	Từ 16 đến 60 tuổi					
c)	Từ đủ 60 tuổi trở lên					

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số (Người)	Trong đó		Kinh phí (triệu đồng)	
			Nam (Người)	Nữ (Người)	Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19
II.	NHẬN NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC TẠI CỘNG ĐỒNG					
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng					
	<i>Trong đó: Dưới 4 tuổi</i>					
2	Người khuyết tật đặc biệt nặng					
	Dưới 16 tuổi					
	Từ 16 đến 60 tuổi					
	Từ đủ 60 tuổi trở lên					
3	Người cao tuổi có người nhận chăm sóc tại cộng đồng					
III	NUÔI DƯỠNG TRONG CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, NHÀ XÃ HỘI					
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng					
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học					
3	Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo					
3.1	Dưới 16 tuổi					
3.2	Từ 16 tuổi trở lên					
4	Người cao tuổi					
5	Người khuyết tật đặc biệt nặng					
5.1	Dưới 16 tuổi					
5.2	Từ 16 đến đủ 60 tuổi					
5.3	Từ đủ 60 tuổi trở lên					
6	Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp					

BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ
HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày 4/2020
của UBND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Mức hỗ trợ (1 triệu đồng)	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng số tiền			
1	Tên hộ kinh doanh cá thể; địa chỉ			
2	Tên hộ kinh doanh cá thể			
3	Tên hộ kinh doanh cá thể			
4	Tên hộ kinh doanh cá thể			
5	Tên hộ kinh doanh cá thể			
6	Tên hộ kinh doanh cá thể			
7	Tên hộ kinh doanh cá thể			
8				

BIỂU TÔNG KINH PHÍ CHI TRẢ
NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, THỎA THUẬN
NGHỈ VIỆC KHÔNG LƯƠNG VỚI NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TỪ 14 NGÀY TRỞ LÊN
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày 4/2020
của UBND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức danh nghề, công việc	Tháng năm bắt đầu nghỉ việc	Ghi chú
I	Chấm dứt hợp đồng lao động						
1	Nguyễn Văn A						
....						
II	Tạm hoãn hợp đồng lao động từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng						
III	Nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng						
IV	Ngừng việc được hưởng lương						
V	Có Từ 02 đến 04 nhóm nêu trên, có thời gian không làm việc từ 14 ngày trở lên trong tháng						

**BIỂU NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG/HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC NHƯNG
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP; NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ
GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (LAO ĐỘNG TỰ DO) TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN...**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày 4/2020
của UBND tỉnh Lai Châu)*

Số thứ tự	Nội dung	Mức hỗ trợ (1 triệu đồng)	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng số tiền			
1	Nguyễn Văn A			
2	Nguyễn Văn B			
-			

